

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG
TỪ 01/01/2016 ĐẾN 31/03/2016**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Hiếu	Thành viên
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	31/03/2016	01/01/2016
			4	5
1	2	3		
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.455.998.002.898	2.349.717.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	764.680.492.531	1.171.668.961.521
1. Tiền	111		696.658.947.302	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.021.545.229	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	829.275.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		829.275.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		331.528.038.373	342.126.386.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		41.012.769.371	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	281.435.486.439	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.079.782.563	10.060.481.613
III. Hàng tồn kho	140	7	527.526.266.027	817.444.017.882
1. Hàng tồn kho	141		528.842.729.844	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.316.463.817)	(1.316.463.817)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.988.205.967	18.478.442.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		221.646.516	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.766.559.451	18.238.442.051
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		797.988.066.535	588.160.958.435
I. Tài sản cố định	220		10.944.165.882	11.216.340.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.944.165.882	11.216.340.040
- Nguyên giá	222		13.473.079.215	13.267.480.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.528.913.333)	(2.051.140.760)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		787.043.900.653	576.886.985.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	787.043.900.653	576.886.985.528
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.253.986.069.433	2.937.878.766.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		436.149.596.964	176.709.618.575
I. Nợ ngắn hạn	310		436.149.596.964	176.709.618.575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.880.100.000	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.682.955.999	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		15.557.547.466	2.655.549.857
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		227.272.732	613.636.373
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9	362.076.460.550	47.246.460.550
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.725.260.217	1.526.779.294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.817.836.472.469	2.761.169.147.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.817.836.472.469	2.761.169.147.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10	2.330.904.280.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.330.904.280.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	10	124.488.702.500	124.532.011.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	10	19.572.915.034	19.572.915.034
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10	341.589.471.427	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		248.635.775.050	956.828.116
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		92.953.696.377	283.838.009.407
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.281.103.508	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.253.986.069.433	2.937.878.766.183



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		493.628.950.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	11	493.628.950.000
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	12	445.480.739.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		48.148.210.527
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	13.167.559.765
7. Chi phí tài chính	22		565.783.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.500.000
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(637.892.284)
9. Chi phí bán hàng	25		1.157.099.857
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.938.143.394
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		57.016.850.957
12. Thu nhập khác	31		705.008.818
13. Chi phí khác	32		917.239.694
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	14	(212.230.876)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.804.620.081
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.804.815.988
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		53.999.804.093
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70		53.999.804.093
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71		-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	232



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU SỐ B 03-DN/HN
		Đơn vị: VND Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	56.804.620.081
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	477.772.573
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.164.585.587)
Chi phí lãi vay	06	479.259.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.597.066.667
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	26.070.230.521
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	289.917.751.855
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	336.804.133.262
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	75.986.351
Tiền lãi vay đã trả	14	(479.259.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.531.056.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(43.309.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	692.411.543.838
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(205.598.415)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(829.275.000.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.164.585.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.024.316.012.828)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(84.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.084.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(406.988.468.990)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.171.668.961.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	764.680.492.531

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 03/12/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là: 2.330.904.280.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết %</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Huyện An Dương Thành phố Hải Phòng	99.78	99.78	Kinh doanh ô tô

Tại ngày 31/03/2016, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

<u>Tên công ty liên doanh liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Quận Lê Chân Thành Phố Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Quận Bình Thạnh TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Quận Lê Chân Thành phố Hải Phòng	46.35	46.35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương Thành Phố Hải Phòng	48.50	48.50	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04, từ ngày 11/3/2015, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi với cổ phiếu Công ty Cổ phần phát triển Hoàng Giang, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là báo cáo hợp nhất kỳ đầu tiên được lập từ ngày 11/3/2015 đến ngày 31/12/2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thế thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể, do đó từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,045%/doanh thu, theo đó giá chi phí dự phòng bảo hành sẽ giảm đi khoảng 21 tỷ đồng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền (*)	696.658.947.302	76.982.486.089
Các khoản tương đương tiền (**)	68.021.545.229	1.094.686.475.432
Cộng	764.680.492.531	1.171.668.961.521

(*): Đã bao gồm 315 tỷ đồng là tiền tạm phong tỏa tại ngân hàng thu được do phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016.

(**) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	829.275.000.000	829.275.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	829.275.000.000	829.275.000.000	-	-
Cộng	829.275.000.000	829.275.000.000	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/3/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tại 01/01/2016	576.886.985.528	180.000.000.000
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208.000.000.000	397.220.400.000
Ảnh hưởng ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	2.794.807.409	334.830.980
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Công ty liên	(637.892.284)	(668.245.452)
Tại 31/3/2016	787.043.900.653	576.886.985.528

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	288.000.000.000	288.538.723.781
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	101.569.928.252
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (*)	262.522.400.000	261.137.676.589
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.797.572.031
Cộng	786.322.400.000	787.043.900.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tên công ty liên doanh liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ cổ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Quận Lê Chân Thành Phố Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Quận Bình Thạnh TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Quận Lê Chân Thành phố Hải Phòng	46.35	46.35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương Thành Phố Hải Phòng	48.50	48.50	Kinh doanh linh kiện ô tô

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/3/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	281.435.486.439	-	307.161.484.589
Dongfeng Moto Co.,Ltd	7.667.220,58	172.589.135.339	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	321.300,00	7.244.351.100	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	101.172.000.000	-	147.372.000.000
Các đối tượng khác	-	430.000.000	-	9.804.825.250
Cộng	-	281.435.486.439	-	307.161.484.589

7. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	193.341.590.504	-	83.140.939.825	-
Thành phẩm	49.241.848.100	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	287.173.890.034	1.316.463.817	290.311.592.491	1.316.463.817
Hàng gửi bán	-	-	404.710.842.965	-
Cộng	529.757.328.638	1.316.463.817	818.760.481.699	1.316.463.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	12.924.264.002	343.216.798	13.267.480.800
Mua trong kỳ	-	205.598.415	205.598.415
Tại 31/3/2016	12.924.264.002	548.815.213	13.473.079.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2016	1.807.837.039	243.303.721	2.051.140.760
Khấu hao trong kỳ	460.611.733	17.160.840	477.772.573
Tại 31/3/2016	2.268.448.772	260.464.561	2.528.913.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	11.116.426.963	99.913.077	11.216.340.040
Tại 31/3/2016	10.655.815.230	288.350.652	10.944.165.882

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Khoản phải trả khác	2.440.550	172.440.550
Khoản tiền các cổ đông chứng minh	315.000.000.000	
Cộng	362.076.460.550	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU B 09a-DN

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(168.175.404.084)	(168.175.404.084)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	(186.393.916)	(766.175.373)
Tại 01/01/2016	2.330.904.280.000	124.532.011.543	19.572.915.034	284.794.837.523	2.759.804.044.100
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	53.999.804.093	53.999.804.093
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	2.794.829.811	2.794.829.811
Giảm khác	-	(43.309.043)	-	-	(43.309.043)
Tại 31/03/2016	2.330.904.280.000	124.488.702.500	19.572.915.034	341.589.471.427	2.816.555.368.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Phương án phát hành cổ phiếu

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán thực tế đã phát hành: 11.653.635 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Phương thức: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện: 5% (Người sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/03/2016

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.
- Tổng chi phí: 130.000.000 đồng

c) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tại ngày 31/3/2016 tổng số vốn thực góp của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng, tuy nhiên Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục đăng ký với các cơ quan hữu quan,.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Vốn thực góp tại 03/04/2016	
	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	548.311.580.000	19,96
Ông Đỗ Hữu Hậu	234.285.100.000	8,53
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	206.979.160.000	7,53
Cổ đông khác	1.757.864.790.000	63,98
Cộng	2.747.440.630.000	100

11. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ (USD)	1.583,07	1.583,07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 31/3/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	243.953.495.473	97.130.909.075	152.544.545.452	493.628.950.000
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	243.933.636.383	97.130.909.075	152.544.545.452	493.609.090.910
- Doanh thu khác	19.859.090	-	-	19.859.090
2. Giá vốn	214.398.295.702	89.434.958.118	141.647.485.653	445.480.739.473
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	214.382.501.952	89.434.958.118	141.647.485.653	445.464.945.723
- Giá vốn hoạt động khác	15.793.750	-	-	15.793.750
3. Lợi nhuận gộp	29.555.199.771	7.695.950.957	10.897.059.799	48.148.210.527
- Bán hàng hóa, thành phẩm	29.551.134.431	7.695.950.957	10.897.059.799	48.144.145.187
- Hoạt động khác	4.065.340	-	-	4.065.340

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	493.628.950.000
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	493.609.090.910
Doanh thu cung cấp linh kiện	19.859.090
<i>Các khoản giảm trừ</i>	-
Doanh thu thuần	493.628.950.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	445.464.945.723
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.793.750
Cộng	<u>445.480.739.473</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.165.276.765
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.283.000
Cộng	<u>13.167.559.765</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	487.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	78.283.800
Cộng	<u>565.783.800</u>

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016
	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	53.999.804.093
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	53.999.804.093
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	233.090.428
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>232</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	457.912.384.281
Chi phí nhân công	964.340.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.772.573
Cộng	459.354.496.854

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	764.680.492.531	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.092.551.934	34.964.901.705
Đầu tư tài chính ngắn hạn	829.275.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	787.043.900.653	576.886.985.528
Cộng	2.431.091.945.118	1.783.520.848.754
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	374.956.560.550	48.958.710.550
Chi phí phải trả	227.272.732	613.636.373
Công nợ tài chính khác	9.725.260.217	1.526.779.294
Cộng	384.909.093.499	126.099.126.217

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.
CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thường xuyên và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN NHÀ Ở THU NHẬP THẤP

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/1/2013 thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam, điều chỉnh lần thứ hai ngày 09/01/2016. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukca là 566.440.000.000 VND (tương đương với 27.523.810 USD), trong đó Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp 46,35% vốn điều lệ.

Từ năm 2015, dự án đã chính thức bắt đầu bàn giao căn hộ. Tới 26/3/2016, Công ty đã chính thức bàn giao cho 200 căn hộ đầu tiên của dự án và đang chuẩn bị đầu tư các cấu phần tiếp theo của dự án.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/3/2016 VND	
	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	50.954.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Bán hàng hóa, thành phẩm	5.154.545.455	
Số dư với các bên liên quan:		
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	101.172.000.000	147.372.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do ứng trước tiền hàng	200.000.000	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 11/3/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ hoạt động đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, do đó không có số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 31/3/2015.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc